TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ -ST
Ngày: 25 - 09 - 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Trường Giang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ánh Hồng;

2. Ông Phùng Văn Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Anh - Thư ký viên, Tòa án nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Đức Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2025 tại Tòa án nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2025/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2025 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2025/QĐXXST - HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày số: 09/QĐST-HNGĐ, ngày 12/09/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T; sinh năm 1999; trú tại: Khu Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ.

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T1; sinh năm 1993; trú tại: Thôn Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu chứng cứ nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày: Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình nay là xã L, tỉnh Phú Thọ vào ngày 15/11/2021, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, lối sống dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ, dẫn đến tình

cảm vợ chồng rạn nứt. Từ tháng 2/2025 vợ chồng sống ly thân vợ chồng không quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn với anh T1. Quá trình chung sống chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 có 01 con chung là Hoàng Yến N; sinh ngày 24/11/2022. Khi ly hôn chị Bùi Thị T đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Yến N cho đến khi trưởng thành và chưa yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng, không có nên không yêu cầu giải quyết.

Anh Hoàng Văn T1 trình bày thống nhất với chị Bùi Thị T về hoàn cảnh, thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung vợ chồng. Anh T1 cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do trong thời gian chung sống với gia đình anh T1, giữa chị T và mẹ đẻ anh T1 xảy ra mâu thuẫn mẹ chồng nàng dâu. Anh T1 nhiều lần trao đổi với chị T trong việc tiết chế, tránh xung đột xong mâu thuẫn vẫn xảy ra do vậy chị Bùi Thị T đã về nhà mẹ đẻ chị T tại Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ sinh sống từ tháng 2/2025 cho đến nay. Anh T1 không đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con. Nếu chị T cương quyết ly hôn đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Yến N và chưa yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Tại phiên tòa:

Chị Bùi Thị T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 28, 35, 39, 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết 326, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử cho chị Nguyễn Thị T2 ly hôn anh Hoàng Văn T1; giao cháu Hoàng Yến N cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; Chị Bùi Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm; tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bị đơn Hoàng Văn T1 cư trú tại xã L, tỉnh Phú Thọ do đó việc Tòa án nhân dân khu vực 13 – Phú Thọ thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện vụ án xin ly hôn của chị Bùi Thị T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự thủ tục, việc tống đạt các văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đảm bảo người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện L, tỉnh Hòa Bình nay là xã L, tỉnh Phú Thọ vào ngày 15/11/2021. Đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp với quy định của pháp luật về Hôn nhân và Gia đình.

Sau kết hôn chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 chung sống cùng gia đình anh T1 tại Thôn Đ, xã L, tỉnh Phú Thọ. Quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn giữa vợ chồng cũng như giữa mẹ chồng và chị T, do bất đồng quan điểm, dẫn đến từ tháng 2/2025 chị Bùi Thị T về nhà mẹ đẻ, tại Khu Đ, xã T, tỉnh Phú Thọ sinh sống không ai quan tâm đến ai. Việc vợ chồng chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 ly thân không ai quan tâm đến ai là không đảm bảo về tình nghĩa vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình, làm cho hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 rơi vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, và mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T ly hôn anh Hoàng Văn T1 là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Quá trình chung sống chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 có 01 con chung là Hoàng Yến N, sinh ngày 24/11/2022. Xét thấy về điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Yến N giữa chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 là khá tương đồng. Tuy nhiên cháu Hoàng Yến N chưa đủ 36 tháng tuổi, chị Bùi Thị T có đủ điều kiện nuôi dưỡng và có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, hiện cháu Hoàng Yến N đang sống cùng chị Bùi Thị T, do vậy để tạo điều kiện tốt nhất cho cháu Hoàng Yến N, cần giao cháu Hoàng Yến N cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp với Khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị Bùi Thị T chưa yêu cầu anh Hoàng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện của chị T cần ghi nhận. Anh Hoàng Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở. Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 có quyền đề nghị thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung, người trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo quy định tại các Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng:

Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 xác nhận không có tài sản chung và không có nợ chung vợ chồng và không đề nghị Tòa án giải quyết do vậy không đề cập.

[5] . Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị T, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T1.

- Về con chung: Giao cháu Hoàng Yến N, sinh ngày 24 tháng 11 năm 2022, cho chị Bùi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Chị Bùi Thị T chưa yêu cầu anh Hoàng Văn T1 cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Hoàng Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai có quyền cản trở.

Chị Bùi Thị T và anh Hoàng Văn T1 có quyền đề nghị thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con chung, người trực tiếp nuôi dưỡng con chung theo quy định.

3. Chị Bùi Thị T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000593, ngày 21/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Chị Bùi Thị T đã nộp đủ án phí.

4. Chị Bùi Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Hoàng Văn T1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND Khu vực 13 -Phú Thọ;
- T.H.A Dân sự tỉnh Phú Thọ;
- UBND xã Lương Sơn, Phú Thọ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Trường Giang